

**TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG**

**TỔ SỬ-GD&T&PL**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – KHỐI 11**

**NĂM HỌC 2024-2025**

*Nội dung ôn tập từ bài 7 đến bài 12- học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau*

**Bài 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM(TRƯỚC NĂM 1945 )**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.**

**Câu 1.** Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam vừa tiến hành xây dựng đất nước, vừa phải làm nhiệm vụ nào?

- A. Bảo vệ tổ quốc.
- B. Bầu cử quốc hội.
- C. Giải quyết nạn đói.
- D. Xóa nạn mù chữ.

**Câu 2.** Trong lịch sử, Việt Nam luôn phải tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc vì lý do nào sau đây?

- A. Do có vị trí địa chiến lược quan trọng.
- B. Có diện tích và dân số lớn nhất khu vực.
- C. Có trữ lượng lớn về tài nguyên dầu khí.
- D. Chế độ phong kiến luôn khủng hoảng.

**Câu 3.** Một trong những bài học kinh nghiệm có giá trị to lớn của cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỷ XIII đã được Trần Quốc Tuấn căn dặn vua Trần là gì?

- A. Tư tưởng lấy chí nhân thay cường bạo.
- B. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Chiến thuật tâm công đánh vào lòng người.
- D. Bài học tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 4.** Điều không phải là bài học kinh nghiệm được rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Luôn phải tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để đấu tranh.
- B. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- C. Sức mạnh nội lực luôn là yếu tố quyết định thắng lợi.
- D. Có cách đánh sáng tạo, phù hợp với đối tượng kẻ thù.

**Câu 5.** Điều là bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Muốn kháng chiến thành công cần đoàn kết được lòng dân.
- B. Vũ khí hiện đại là nhân tố quyết định thành bại kháng chiến.
- C. Cần có chính sách đối ngoại mềm mỏng, tránh gây xung đột.
- D. Xây dựng lực lượng quân đội chính quy đông đảo, tinh nhuệ.

**Câu 6.** Nội dung nào phản ánh **không** đúng bài học lịch sử rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Luôn nhân nhượng kẻ thù xâm lược để giữ môi trường hòa bình.
- B. Chú trọng việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.
- C. Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện “toàn dân đánh giặc”.
- D. Phát động khẩu hiệu đấu tranh phù hợp để tập hợp lực lượng.

**Câu 7.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1417 - 1427)?

- A. Mang tính chất chính nghĩa, giải phóng dân tộc và tính nhân dân sâu sắc.
- B. Mang tính dân chủ, dùng sức mạnh quân sự đè bẹp ý chí xâm lược kẻ thù.
- C. Từ khởi nghĩa địa phương phát triển thành chiến tranh giải phóng dân tộc.
- D. Thể hiện tư tưởng nhân nghĩa, kết hợp quân sự và ngoại giao khéo léo.

**Câu 8.** Nhận xét nào sau đây **không** đúng về phong trào nông dân Tây Sơn thế kỷ XVIII?

- A. Đảm nhận vai trò thống nhất đất nước và bảo vệ tổ quốc, chống xâm lược.
- B. Thể hiện khả năng to lớn của người nông dân nếu được tổ chức, lãnh đạo.
- C. Đã chấm dứt hoàn toàn chế độ quân chủ, mở ra thời đại mới trong lịch sử.
- D. Tạo điều kiện cho sự thống nhất mọi mặt của đất nước ở giai đoạn sau đó.

**Câu 9.** Điểm tương đồng về nghệ thuật kết thúc chiến tranh của cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077) và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1417 – 1427) là gì?

- A. Kiên quyết không đàm phán, dùng thắng lợi quân sự để kết thúc chiến tranh.
- B. Chủ động đàm phán khi bắt đầu tiến hành các hoạt động chiến tranh.
- C. Chủ động kết thúc chiến tranh khi đã có thế mạnh trên mặt trận quân sự.
- D. Chú trọng tư tưởng “hòa để tiến”, kết hợp tiến công và đàm phán hòa bình.

**Câu 10.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về phong trào Tây Sơn (1771-1802) đối với tiến trình lịch sử Việt Nam?

- A. Là cuộc khởi nghĩa nông dân to lớn giành thắng lợi, mở ra một triều đại trong lịch sử.
- B. Đây là phong trào đấu tranh đã mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do vĩnh viễn cho dân tộc.
- C. Từ một cuộc khởi nghĩa nông dân đã vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dân tộc.

**D.** Đây là phong trào nông dân đảm nhiệm sứ mệnh đấu tranh thống nhất đất nước.

**Câu 11.** Triều đại nào sau đây đã 3 lần tiến hành kháng chiến đánh bại quân Mông – Nguyên ở thế kỷ XIII?

**A.** Triều Hồ.

**B.** Triều Trần.

**C.** Triều Lý.

**D.** Triều Lê.

## **PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chiến tranh bảo vệ tổ quốc có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập, giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước...Chiến tranh bảo vệ tổ quốc còn có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường và tô đậm những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc...”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 44 – 45)

- a.** Việt Nam tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc nhằm mở rộng lãnh thổ quốc gia.
- b.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc góp phần hình thành truyền thống yêu nước của dân tộc.
- c.** Mọi cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử dân tộc đều giành được thắng lợi.
- d.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc đã góp phần gìn giữ văn hóa và truyền thống của dân tộc.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam mang tính chính nghĩa, chống kẻ thù xâm lược. Vì thế đã huy động được sức mạnh toàn dân, hình thành thế trận "cả nước đánh giặc, toàn dân là lính".

Truyền thống yêu nước và ý chí kiên cường bất khuất trong đấu tranh bảo vệ nền độc lập của nhân dân Đại Việt là nhân tố quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến. Có đội ngũ những nhà lãnh đạo và tướng lĩnh mưu lược, tài giỏi, biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo, truyền thống và nghệ thuật quân sự vào thực tiễn các cuộc kháng chiến.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 52)

- a.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc là các cuộc chiến tranh mang tính chính nghĩa, tiến bộ.
- b.** Nhân tố quyết định thắng lợi trong các cuộc kháng chiến là sự lãnh đạo của đảng.
- c.** Nội dung quan trọng nhất trong đường lối kháng chiến của Việt Nam là toàn dân.
- d.** Nghệ thuật quân sự Việt Nam luôn được kế thừa và phát huy trong kháng chiến.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trước hết, các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.

Thứ hai, nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn. Tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia kháng chiến, tạo thành khối đoàn kết toàn dân vững chắc....

Thứ ba, kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo cũng là nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến...”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 47)

- a.** Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết là nguyên nhân quan trọng dẫn tới thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.
- b.** Trong các cuộc kháng chiến, nhân dân Việt Nam luôn chủ động phòng thủ, thực hiện phương châm đánh lâu dài.
- c.** Khi có giặc ngoại xâm, các triều đại phong kiến Việt Nam đều triệu tập nhân dân để họp bàn kế sách đánh giặc.
- d.** Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đều giành thắng lợi thông qua tổ chức các trận quyết chiến chiến lược.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò đặc biệt đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược và can thiệp từ bên ngoài. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc; đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lý đất nước. Kết quả của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hoá.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 43)

- a.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc quyết định đến sự tồn vong sinh tử của quốc gia, dân tộc.
- b.** Nhờ chiến tranh bảo vệ tổ quốc, lãnh thổ quốc gia được giữ vững và mở rộng liên tục.
- c.** Chiến tranh bảo vệ tổ quốc chỉ xảy ra với các quốc gia có vị trí chiến lược quan trọng.
- d.** Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ tổ quốc chỉ chống phương Bắc.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong kháng chiến chống ngoại xâm, nhất là đối với một kẻ thù hung bạo và có tiềm lực mạnh, tổ tiên chúng ta còn phải chú ý đặc biệt đến việc củng cố nội bộ lãnh thổ. Phải xây dựng đường sá, cầu cống, vết sông, khơi nguồn thường xuyên để có thể nhanh chóng chuyển quân rút lui chiến lược hay tổng phản công nhanh chóng...”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 43)

- a. Trong lịch sử, Việt Nam luôn phải đối diện với những kẻ thù hùng mạnh, hung bạo.
- b. Tư tưởng chủ đạo trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc là kiên quyết giữ thế tiến công.
- c. Trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc, Việt Nam luôn kết hợp giữa rút lui và phản công.
- d. Củng cố nội bộ lãnh thổ là việc thống nhất về tổ chức lãnh đạo, tổ chức nhân dân.

**Câu 6.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 43)

- a. Truyền thống yêu nước được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước.
- b. Trong chống ngoại xâm, chỉ cần chú trọng xây dựng quân đội và vũ khí hiện đại.
- c. Tinh thần đoàn kết dân tộc chỉ được thể hiện trong chiến tranh chống ngoại xâm.
- d. Đoàn kết dân tộc, tự hào dân tộc là cơ sở để Việt Nam sẵn sàng bảo vệ tổ quốc.

### **Bài 8**

## **MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN – CUỐI THẾ KỈ XIX)**

### **PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.**

**Câu 1.** Sự kiện nào sau đây đã kết thúc thời kỳ Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường.
- B. Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương, lập nhà nước Vạn Xuân.
- C. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo.
- D. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi.

**Câu 2.** Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam nhằm lật đổ ách đô hộ của nhà Minh?

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- B. Khởi nghĩa Tây Sơn.
- C. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây **không** phải là bối cảnh dẫn đến sự bùng nổ của phong trào Tây Sơn?

- A. Đại Việt mất độc lập, tự chủ.
- B. Đất nước bị chia cắt kéo dài.
- C. Nguy cơ bị ngoại xâm dòm ngó.
- D. Khủng hoảng về kinh tế, chính trị.

**Câu 4.** Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thuật ngữ “kháng chiến” được hiểu là

- A. cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ.
- B. phong trào đấu tranh của nông dân nghèo.
- C. phong trào đấu tranh của thợ thủ công.
- D. đấu tranh bảo vệ nền độc lập, chủ quyền.

**Câu 5.** Phong trào Tây Sơn (1771 – 1802) đã đánh bại những kẻ thù xâm lược nào?

- A. Xiêm và Thanh.
- B. Hán và Thanh.
- C. Tống và Minh.
- D. Minh và Thanh.

**Câu 6.** Ý nghĩa quan trọng nhất của khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ (đầu thế kỷ X) đối với dân tộc Việt Nam là gì?

- A. Gành lại nền độc lập lâu dài, bền vững.
- B. Chấm dứt thời kỳ phong kiến Bắc thuộc.
- C. Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.
- D. Đã căn bản khôi phục chủ quyền dân tộc.

**Câu 7.** Thời kỳ Bắc thuộc, vũ khí quan trọng nhất để nhân dân Việt Nam đánh bại âm mưu đồng hoá của phong kiến phương Bắc là gì?

- A. Liên tục diễn ra khởi nghĩa.
- B. Có truyền thống yêu nước.
- C. Giữ được phong tục tập quán.
- D. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa.

**Câu 8.** Các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc (40 - 938), khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427), phong trào nông dân Tây Sơn giành được thắng lợi đều có nguyên nhân chủ quan chung là

- A. tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân.
- B. sự mất đoàn kết trong nội bộ kẻ xâm lược.
- C. địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt.
- D. có vũ khí hiện đại, quân đội đông đảo.

**Câu 9.** Từ thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

- A. Duy trì khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- B. Kiên trì sự lãnh đạo duy nhất của Đảng.

C. Thực hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.

D. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân thế giới.

**Câu 10.** Từ thực tế lịch sử mấy ngàn năm là “hàng xóm” của Trung Quốc: Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về thái độ của chúng ta đối với quan hệ Việt – Trung ngày nay?

A. Tích cực chuẩn bị lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu chống lại Trung Quốc.

B. Tiến hành hợp tác, đối tác nhưng đề phòng, cảnh giác với những âm mưu của họ.

C. Tiến hành cô lập Trung Quốc trên trường quốc tế, tìm cách liên kết với Mỹ, Nhật.

D. Tuyên truyền, giáo dục tinh thần chống Trung Quốc một cách toàn diện, triệt để.

**Câu 11.** Nối cột A và cột B sao cho đúng với công lao của các nhân vật lịch sử sau

| A |              | B |                                                      |
|---|--------------|---|------------------------------------------------------|
| 1 | Lê Lợi       | a | Đánh bại quân Nam Hán, khôi phục nền độc lập tự chủ. |
| 2 | Quang Trung  | b | Lập ra nhà nước Vạn Xuân độc lập.                    |
| 3 | Hai Bà Trưng | c | Đánh đuổi quân Minh, khôi phục nền độc lập.          |
| 4 | Lý Bí        | d | Đánh bại quân Xiêm, quân Thanh.                      |
| 5 | Ngô Quyền    | e | Mở đầu phong trào chống phong kiến phương Bắc.       |

A. 1c, 2d, 3e, 4b, 5a.

B. 1a, 2d, 3e, 4b, 5c.

C. 1c, 2e, 3d, 4b, 5a.

D. 1b, 2d, 3e, 4c, 5a.

## PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây.

“Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược (năm 1407), Đại Việt rơi vào ách đô hộ của nhà Minh. Chính quyền đô hộ nhà Minh đã thẳng tay đàn áp, khủng bố tàn bạo đối với dân chúng, thiết lập nền thống trị hà khắc, thực thi chính sách triệt để vơ vét của cải và phá hoại, thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt...”

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã quét sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi Đại Việt, chấm dứt 20 năm thống trị của nhà Minh, giành lại nền độc lập dân tộc. Khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu cho ý chí và tinh thần độc lập của nhân dân Đại Việt đầu thế kỉ XV. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập nhà Lê sơ - một triều đại phong kiến phát triển hùng mạnh trong lịch sử dân tộc.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 58 – 60)

a. Nhà Hồ kháng chiến chống Minh thất bại, Đại Ngu rơi vào thời kỳ ngàn năm Bắc thuộc.

b. Chính sách nhất quán của nhà Minh là đồng hóa văn hóa và thủ tiêu nền văn hóa dân tộc.

c. Khởi nghĩa Lam Sơn đã đảm nhận sứ mệnh giải phóng dân tộc, khôi phục nền độc lập.

d. Nhà Lê thành lập sau chống Minh là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử dân tộc.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Giai đoạn 1771 - 1773: cuộc khởi nghĩa bùng nổ, nghĩa quân nhanh chóng làm chủ miền Tây Sơn thượng đạo, phủ Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Quảng Nam, chia cắt kinh thành Phú Xuân với Gia Định.

Giai đoạn 1774 - 1786: nghĩa quân Tây Sơn tập trung lực lượng tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn.

Năm 1785, quân đội Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ tổ chức đánh bại cuộc xâm lược của Xiêm vào đất Gia Định, làm nên chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút vang dội.

Tết Kỷ Dậu (năm 1789), quân đội Tây Sơn dưới sự lãnh đạo của vua Quang Trung đã quét sạch 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long, khôi phục nền độc lập cho đất nước.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 60)

a. Phong trào Tây Sơn nổ ra với mục tiêu ban đầu là khôi phục lại nền độc lập dân tộc.

b. Thắng lợi của phong trào Tây Sơn chống Xiêm đã đảm nhận sứ mệnh dân tộc, dân chủ.

c. Việc tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Trịnh Nguyễn là đỉnh cao của phong trào Tây Sơn.

d. Với chiến thắng chống xâm lược, phong trào đảm nhận hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, có tính chất nhân dân rộng rãi. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã chấm dứt thời kì đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 54)

a. Khởi nghĩa Lam Sơn nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của nhà Minh.

b. Dân chủ rộng rãi, nhân dân sâu sắc là tính chất nổi bật của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

c. Sau thắng lợi khởi nghĩa Lam Sơn, Đại Việt bước vào thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài.

d. Khởi nghĩa Lam Sơn là phong trào nông dân cuối cùng trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Phong trào Tây Sơn từ một cuộc khởi nghĩa địa phương đã phát triển thành phong trào dân tộc rộng lớn, lập nên những chiến công hiển hách. Phong trào đã lật đổ các chính quyền phong kiến Nguyễn - Trịnh, xoá bỏ tình trạng chia cắt đất nước. Đồng thời, phong trào còn đánh tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 57)

- a. Phong trào Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân cuối cùng trong lịch sử dân tộc ta.
- b. Phong trào Tây Sơn đã chấm dứt hoàn toàn sự chia cắt đất nước, thống nhất dân tộc.
- c. Trong tiến trình phát triển, phong trào đã đảm nhận hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp.
- d. Phong trào Tây Sơn chứng minh sức mạnh của nông dân khi được tổ chức, lãnh đạo.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc dù thắng lợi hay thất bại đều để lại những bài học lịch sử sâu sắc và giữ nguyên giá trị đến ngày nay.

Thứ nhất, bài học về xây dựng lực lượng. Đây là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc.

Thứ hai, bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đoàn kết là sức mạnh giúp nhân dân Việt Nam có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Thứ ba, bài học về nghệ thuật quân sự với những kinh nghiệm đánh giặc dũng cảm và mưu trí, phong phú và độc đáo.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 58 – 59)

- a. Bài học lịch sử chống ngoại xâm chỉ có giá trị trong chiến tranh giải phóng.
- b. Nhân tố chủ đạo trong chiến thắng chống ngoại xâm là toàn dân đánh giặc.
- c. Đoàn kết dân tộc là yếu tố duy nhất dẫn tới chiến thắng trong chống xâm lược.
- d. Bảo vệ tổ quốc ở thời đại ngày nay chỉ cần chú trọng sản xuất vũ khí hiện đại.

## **Bài 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ**

### **PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.**

**Câu 1.** Một trong những chính sách của Hồ Quý Ly sau khi lên ngôi năm (1400) là

- A. tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm.
- B. tạo ra cục diện chiến tranh Nam-Bắc triều.
- C. mở rộng lãnh thổ Đại Việt về phía Nam.
- D. đã thực hiện nhiều chính sách cải cách.

**Câu 2.** Lĩnh vực nào sau đây **không** có trong các chính sách cải cách của Hồ Quý Ly?

- A. Văn hoá - giáo dục.
- B. Chính trị - quân sự.
- C. Kinh tế - xã hội.
- D. Thể thao - du lịch.

**Câu 3.** Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trong hoàn cảnh là

- A. Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- B. Nhà Trần đang giai đoạn phát triển thịnh đạt.
- C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.
- D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển nhanh.

**Câu 4.** Mục đích của Hồ Quý Ly khi tiến hành các chính sách cải cách dưới thời nhà Trần và sau khi lập ra nhà Hồ là gì?

- A. Đưa đất nước tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.
- B. Đưa đất nước thoát khỏi khó khăn, khủng hoảng.
- C. Tăng cường sức mạnh chuẩn bị tiến công quân Minh.
- D. Chuẩn bị điều kiện để tiến đánh Chăm-pa.

**Câu 5.** Một trong những mục đích của Hồ Quý Ly khi tiến hành cuộc cải cách là

- A. tạo ra sức mạnh cho mình để cướp ngôi nhà Trần.
- B. phát triển quân sự, tăng cường phòng thủ đất nước.
- C. chuẩn bị tiêu diệt Chăm-pa và tiến đánh nhà Minh.
- D. tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, quý tộc nhà Trần.

**Câu 6.** Mục đích của Hồ Quý Ly khi thực hiện chính sách bắt các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục là

- A. tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự.
- B. làm suy yếu thế lực ủng hộ nhà Trần.
- C. hạn chế sự phát triển của Phật giáo.
- D. xóa bỏ vai trò của quan lại Phật giáo.

**Câu 7.** Ý nghĩa lớn nhất mà chính sách đề cao chữ Nôm của Hồ Quý Ly đem lại là

- A. củng cố tinh thần độc lập tự chủ của người Việt.
- B. tạo điều kiện để cải cách trên các lĩnh vực khác.
- C. chống lại sự đồng hóa của phong kiến phương Bắc.
- D. chuẩn bị cho công cuộc cải cách sâu rộng, triệt để.

**Câu 8.** Mục đích chính trong chính sách hạn điền mà Hồ Quý Ly đã thực hiện là

- A. tăng cường tiềm lực cho giai cấp địa chủ mới.
- B. hạn chế số lượng ruộng đất do quý tộc nắm giữ.

C. lấy ruộng đất của quý tộc chia lại cho nông dân.

D. thu hút thêm nhiều người ủng hộ chính quyền mới.

**Câu 9.** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly thất bại là gì?

A. Sự uy hiếp của triều đình nhà Minh.

C. Tài chính đất nước trống rỗng.

B. Sự chống đối của quý tộc Trần.

D. Không có sự ủng hộ của nhân dân.

**Câu 10.** Có nhận định cho rằng: “*Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo*”. Nhận định trên đúng hay sai?

A. Đúng, vì quá trình và nội dung cải cách cho thấy ông có tầm nhìn và quyết đoán.

B. Đúng, vì ông đã dám thực hiện công cuộc cải cách đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

C. Sai, vì cuộc cải cách đã thất bại chứng tỏ nó chưa phù hợp với đất nước ta lúc đó.

D. Sai, vì ông đã cướp ngôi nhà Trần nên bị nhân dân ta chán ghét, không ủng hộ.

**Câu 11.** Bài học quan trọng nhất có thể rút ra từ sự thất bại của Hồ Quý Ly và nhà Hồ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là gì?

A. Tập hợp sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, sự ủng hộ của nhân dân.

B. Xây dựng lực lượng quân đội thường trực hùng mạnh sẵn sàng chiến đấu.

C. Tăng cường huấn luyện, xây dựng nhiều công trình để phòng thủ.

D. Đoàn kết với các nước láng giềng đặc biệt là các nước Đông Dương.

## PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI.

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mặc cho đời sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng, tầng lớp vua, quan, quý tộc nhà Trần ngày càng ăn chơi, hưởng lạc. Trong triều, trung thần thì ít mà kẻ gian nịnh, cơ hội thì nhiều. Triều Trần suy yếu đến mức không còn khả năng bảo vệ sự an toàn của đất nước, bất lực trước các cuộc tấn công của Chăm-pa và những yêu sách ngang ngược của nhà Minh (Trung Quốc). Hồ Quý Ly - một quý tộc thuộc dòng họ ngoại của nhà Trần từng bước thâm tóm quyền lực, buộc vua Trần nhường ngôi, lập ra triều Hồ (1400).”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 61)

A. Đầu thế kỷ XIV nhà Trần rơi vào khủng hoảng trầm trọng, sâu sắc về kinh tế, xã hội.

B. Sự suy yếu của nhà Trần là cơ hội cho các thế lực bên ngoài dòm ngó Đại Việt.

C. Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đã tổ chức kháng chiến chống ngoại xâm thất bại.

D. Việc Hồ Quý Ly lập ra nhà Hồ là hợp quy luật lịch sử vì nhà Trần đã suy yếu.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ có nhiều điểm tiến bộ, đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương. Chính sách hạn điền, hạn nô đã làm suy yếu thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất triều Trần, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho Nhà nước, tăng cường quyền lực của Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Những cải cách trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục của Hồ Quý Ly và triều Hồ thể hiện tư tưởng tiến bộ nhằm xây dựng một nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc. Cuộc cải cách có ý nghĩa trong việc bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm. Tuy nhiên, những cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ vẫn còn chưa triệt để và kết quả trong thực tế còn hạn chế.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 63)

A. Hồ Quý Ly tiến hành cải cách trong bối cảnh đất nước đang rơi vào khủng hoảng.

B. Những cải cách của Hồ Quý Ly đã đụng chạm đến quyền lợi của giai cấp thống trị.

C. Hồ Quý Ly là người Việt đầu tiên thực hiện các chính sách cải cách trong lịch sử.

D. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly thất bại do thiếu tính kiên quyết và không triệt để.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hồ Quý Ly đã chấn chỉnh lại Phật giáo và Nho giáo, ông hạn chế Phật giáo, Đạo giáo, đề cao Nho giáo nhưng là Nho giáo thực dụng, chống giáo điều, kết hợp với tinh thần Pháp gia. Hồ Quý Ly là vị vua Việt Nam đầu tiên dùng chữ Nôm để chấn hưng nền văn hoá dân tộc. Hồ Quý Ly cho sửa đổi chế độ thi cử, đặt kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kinh thành; mở trường học ở các lộ, phủ, châu, cử các quan giáo thụ trông coi và cấp học điền cho các địa phương. Năm 1404, nhà Hồ quy định thêm kì thi viết chữ và làm toán.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 66)

A. Chữ Nôm được sáng tạo ra dưới thời nhà Hồ và được đưa vào học hành thi cử.

B. Hồ Quý Ly rất coi trọng việc học hành thi cử để đào tạo quan lại cho triều đình.

C. Dưới sự cai trị của Hồ Quý Ly Phật giáo không có điều kiện phát triển như trước.

D. Nhà Hồ có đóng góp cho dân tộc nhưng cũng phải chịu trách nhiệm để mất nước.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Những cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ có nhiều điểm tiến bộ mang tính dân tộc. Cải cách đã đạt được một số kết quả bước đầu: tiềm lực quốc phòng được nâng cao; xoá bỏ kinh tế điền trang của quý tộc nhà Trần, nông dân có thêm ruộng đất để sản xuất; thuế khoá nhẹ hơn; văn hoá dân tộc, nhất là chữ Nôm, được đề cao; giáo dục mở rộng cho nhiều đối tượng và mang tính thực tiễn. Tuy nhiên, những cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ còn nhiều chủ quan, nóng vội, một số cải cách còn bộc lộ hạn chế, không triệt để. Việc dùng pháp luật để cưỡng chế thực hiện các mục tiêu cải cách gây mất lòng dân nên đã không tránh khỏi sự thất bại. Cùng với đó là những sai lầm của triều Hồ trong biện pháp xây dựng quân đội và phòng thủ đất nước. Chính vì thế, triều Hồ đã nhanh chóng sụp đổ khi nhà Minh tiến hành xâm lược vào giữa năm 1407.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 67)

- a. Tiềm lực quốc phòng được nâng cao là một hạn chế trong cải cách của Hồ Quý Ly.
- b. Những hạn chế trong cải cách của Hồ Quý Ly là do có tư tưởng chủ quan, nóng vội.
- c. Cải cách của nhà Hồ để lại nhiều bài học kinh nghiệm về xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- d. Từ thất bại của nhà Hồ cho thấy, muốn bảo vệ tổ quốc cần chú trọng sản xuất vũ khí.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ có nhiều điểm tiến bộ, đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

Chính sách hạn điền, hạn nô đã làm suy yếu thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất triều Trần, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho Nhà nước, tăng cường quyền lực của Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.

Những cải cách trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục của Hồ Quý Ly và triều Hồ thể hiện tư tưởng tiến bộ nhằm xây dựng một nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.

Cuộc cải cách có ý nghĩa trong việc bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

Tuy nhiên, những cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ vẫn còn chưa triệt để và kết quả trong thực tế còn hạn chế.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 63)

- a. Cuộc cải cách đã hoàn thiện cơ cấu nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền.
- b. Cuộc cải cách đã tăng cường tiềm lực đất nước để chuẩn bị đối phó với ngoại xâm.
- c. Đây là cuộc cải cách tiến bộ, lớn nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.
- d. Thành công của cuộc cải cách đã góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

## **Bài 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỶ XV)**

### **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.**

**Câu 1.** Vị vua nào trong lịch sử Việt Nam được sử gia Ngô Sĩ Liên đánh giá là “anh hùng tài lược”?

- A. Lý Nhân Tông.      B. Trần Nhân Tông.      C. Lê Thánh Tông.      D. Đinh Tiên Hoàng.

**Câu 2:** Bộ luật được biên soạn dưới thời Lê Thánh Tông là

- A. Hình thư.      B. Hình luật.      C. Hồng Đức.      D. Gia Long.

**Câu 3:** Bộ sử nổi tiếng được biên soạn dưới thời Lê sơ là

- A. Việt Nam sử lược.      B. Đại Việt sử ký toàn thư.
- C. Việt sử tiêu án.      D. Đại Việt sử ký.

**Câu 4:** Những năm 60 của thế kỷ XV, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách trong nhiều lĩnh vực, trọng tâm là

- A. kinh tế.      B. giáo dục.      C. hành chính.      D. văn hóa.

**Câu 5.** Ý nào dưới đây **không** phải là nội dung trong cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỷ XV?

- A. Bãi bỏ chức vụ Tể tướng.      C. Đặt ra chức vụ Đô ngự sử.
- B. Cả nước chia thành 13 đạo.      D. Không công khai lập Thái tử.

**Câu 6.** Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực.      C. công cuộc thống nhất đất nước.
- B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.      D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

**Câu 7.** Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương thời Lê sơ từ sau cải cách của vua Lê Thánh Tông lần lượt là

- A. đạo thừa tuyên, phủ, huyện, châu, xã.
- B. phủ Thừa Thiên, châu, huyện, xã, làng.
- C. đạo thừa tuyên, phủ, châu, hương, xã.
- D. phủ Thừa Thiên, huyện, châu, xã, làng.

**Câu 8.** Nhận xét nào dưới đây là **không** đúng về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông ở thế kỷ XV?

- A. Đây là một cuộc cải cách hành chính có qui mô lớn, toàn diện và sâu sắc.
- B. Đây là một cuộc cải cách đưa nhà nước quân chủ Đại Việt đạt đến đỉnh cao.
- C. Đây là cuộc cải cách tạo điều kiện ổn định về chính trị và phát triển kinh tế.
- D. Đây là cuộc cải cách hành chính đã tạo cơ sở phân chia các tỉnh ngày nay.

**Câu 9.** Từ những chính sách cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỷ XV, hiện nay có thể ra bài học kinh nghiệm gì để xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc?

- A. Coi trọng giáo dục để đào tạo nhân tài cho đất nước.
- B. Tập trung quyền lực vào tay người đứng đầu đất nước.
- C. Thường xuyên tổ chức các cuộc duyệt binh, tập trận.
- D. Đưa thanh niên sang các nước để học tập và rèn luyện.

**Câu 10.** Nhận định Lê Thánh Tông là “minh quân, hùng tài đại lược” là đúng hay sai, Vì sao?

- A. Đúng, vì những thành tựu mà đất nước ta đạt được dưới sự cai trị của ông.
- B. Đúng, vì vua Lê Thánh Tông đã giải oan cho Nguyễn Trãi sau khi lên ngôi.
- C. Sai, vì trong thời gian ở ngôi vua ông cũng đã phạm nhiều sai lầm rất lớn.
- D. Sai, vì sau khi Ông mất không lâu, nhà Lê sơ rơi vào tình trạng khủng hoảng.

**Câu 11.** Nối cột A và cột B sao cho đúng với ý nghĩa của những chính sách trong cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ XV

| A |                            | B |                                  |
|---|----------------------------|---|----------------------------------|
| 1 | Lộc điền, quân điền        | a | Tuyển chọn người tài ra làm quan |
| 2 | Chính sách khoa cử         | b | Tập trung quyền lực vào tay vua  |
| 3 | Bãi bỏ chức Tể tướng       | c | Thúc đẩy kinh tế phát triển      |
| 4 | Chia đất nước thành 13 đạo | d | Bảo vệ giai cấp thống trị        |
| 5 | Thao luyện quân đội        | e | Xóa bỏ mầm mống cát cứ           |
| 6 | Ban hành luật Hồng Đức     | f | Tăng cường sức mạnh quân sự      |

- A. 1c, 2a. 3b, 4e, 5f, 6d.
- B. 1c, 2d. 3b, 4e, 5f, 6a.
- A. 1c, 2f. 3b, 4e, 5a, 6d.
- A. 1c, 2e. 3b, 4a, 5f, 6d.

## PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lê Thánh Tông là một vị vua nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam, ông được coi là vị vua “sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược”.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 64)

- A. Nhận định trên là của nhà sử học Ngô Sĩ Liên trong tác phẩm Đại Việt sử ký.
- B. Vua Lê Thánh Tông đã tiến hành một cuộc cải cách lớn trong lịch sử dân tộc.
- C. Triều Lê thời Lê Thánh Tông đã phát triển đến đỉnh cao của chế độ quân chủ.
- D. Dưới thời Lê Thánh Tông, lãnh thổ Đại Việt đã rộng lớn như thời đại ngày nay.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vua Lê Thánh Tông chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật để quản lí nhà nước. Năm 1483, Nhà nước ban hành bộ *Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức)* gồm 722 điều với nhiều quy định mang tính dân tộc sâu sắc như các điều luật bảo vệ phụ nữ, người già, người tàn tật, trẻ em, bảo vệ sản xuất nông nghiệp,...”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 66)

- A. Luật Hồng Đức soạn từ thời vua Thái Tổ hoàn thành dưới thời vua Lê Thánh Tông.
- B. Luật Hồng Đức được dùng để quản lý đất nước, bảo vệ nhân dân, giai cấp thống trị.
- C. Hồng Đức là bộ luật có nhiều điểm tiến bộ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

**D.** Bộ luật Hồng Đức được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể nhân loại.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cải cách dưới triều vua Lê Thánh Tông là một cuộc cải cách khá toàn diện về mọi mặt, trọng tâm là cải cách hành chính, bao gồm cả thể chế lẫn quan chế. Kết quả đã xây dựng được hệ thống hành chính thống nhất trên phạm vi cả nước theo hướng tinh gọn, phân cấp, phân nhiệm minh bạch, có sự ràng buộc và giám sát lẫn nhau, bảo đảm sự chỉ đạo và tập trung quyền lực của chính quyền trung ương và của nhà vua. Các hoạt động kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục đều đạt được tiến bộ hơn hẳn so với các thời trước đó. Thành công của cuộc cải cách đã góp phần tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, đưa chính quyền quân chủ Lê sơ đạt đến đỉnh cao của mô hình quân chủ quan liêu chuyên chế.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 70 – 71)

- a. Cuộc cải cách Lê Thánh Tông thực hiện khá toàn diện và đồng bộ, nhất là hành chính.
- b. Thành công của cuộc cải cách đã hoàn chỉnh bộ máy quân chủ chuyên chế tập quyền.
- c. Cuộc cải cách thành công đã góp phần xóa bỏ những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội.
- d. Đây là cuộc cải cách lớn nhất và cuối cùng trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

**Tư liệu 1:** “Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông đã đưa tới sự xác lập của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ.”

**Tư liệu 2:** “Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tìm óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc,... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương.... tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 71)

- a. Tư liệu 1, 2 đề cập đến nội dung cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông.
- b. Nhờ cải cách, bộ máy hành chính thời Lê Sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ.
- c. Sau cải cách, bộ máy hành chính có liên quan, ràng buộc, giám sát lẫn nhau.
- d. Đây là cuộc cải cách lớn cuối cùng trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

**Tư liệu 1:** “Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao, đồng thời đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.”

**Tư liệu 2:** “Bộ máy nhà nước và các quy chế của nó do Lê Thánh Tông xây dựng đã được duy trì trong nhiều thế kỉ và đã đánh dấu một thời thịnh trị trong lịch sử chế độ quân chủ phong kiến Việt Nam.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 71)

- a. Tư liệu đề cập đến ý nghĩa lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ VX.
- b. Lần đầu tiên trong lịch sử, hệ thống hành chính của Đại Việt đã được xây dựng.
- c. Hệ thống hành chính thời Lê Sơ đã được giữ nguyên vẹn ở các triều đại tiếp theo.
- d. Cuộc cải cách đã đưa chế độ quân chủ Đại Việt đạt đến đỉnh cao, chặt chẽ, hoàn bị.

### **Bài 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)**

#### **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.**

**Câu 1.** Cuộc cải cách hành chính lớn nhất dưới triều Nguyễn (1802 – 1945) được tiến hành dưới thời vua

- A. Gia Long.                      B. Minh Mạng.                      C. Tự Đức.                      D. Hàm Nghi.

**Câu 2.** Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất của triều đình nhà Nguyễn, vua Minh Mạng đã tiến hành

- A. chia cả nước thành ba vùng.                      B. cuộc cải cách hành chính.  
C. bãi bỏ chế độ tập quyền.                      D. cải tổ tổ chức hành chính.

**Câu 3.** Sau cuộc cải cách của vua Minh Mạng, cơ cấu hành chính Đại Nam được chia thành

- A. 30 tỉnh và một phủ Thừa Thiên.  
B. trấn Bắc Thành và Gia Định thành.  
C. 13 đạo Thừa tuyên và phủ Trung Đô.  
D. 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.

**Câu 4.** Trong cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), cơ quan nào sau đây có chức năng như một cơ quan hành chính trung ương?

- A. Nội các.                      B. Ngự sử đài.      C. Hàn lâm viện.                      D. Đô sát viện.

**Câu 5.** Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.  
B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.  
C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.  
D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

**Câu 6.** Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm mục đích

- A. hoàn thành cơ bản thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.  
B. hoàn chỉnh bộ máy nhà nước ở trung ương và địa phương.  
C. xóa bỏ tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.  
D. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

**Câu 7.** Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.  
B. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.  
C. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.  
D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho thế hệ sau.

**Câu 8.** Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.  
B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.  
C. chú trọng phát triển kinh tế theo hướng hiện đại.  
D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

**Câu 9.** Một trong những đóng góp to lớn của vua Minh Mạng (1820 – 1840) đối với lịch sử dân tộc Việt Nam là gì?

- A. Bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  
B. Đã xây dựng Việt Nam thành cường quốc số một ở Châu Á.  
C. Tạo điều kiện cho giáo dục Nho học và chữ Nôm phát triển.  
D. Đã cho khôi phục và xây dựng mới hoàng thành Thăng Long.

**Câu 10.** Nhận xét nào sau đây là đúng về ý nghĩa cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Đây là một cuộc cải cách về chính trị có qui mô lớn, toàn diện và sâu sắc.  
B. Đây là một cuộc cải cách đưa nhà nước quân chủ Đại Việt đạt đến đỉnh cao.  
C. Đây là cuộc cải cách tạo điều kiện ổn định về chính trị và phát triển kinh tế.  
D. Đây là cuộc cải cách hành chính đã tạo cơ sở phân chia các tỉnh ngày nay.

**Câu 11:** Một trong những bài học rút ra từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. xây dựng đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước.  
B. tăng cường sức mạnh quân sự đối đầu với âm mưu của các nước Đông Nam Á.  
C. củng cố tính chuyên chế của nhà nước, đàn áp các thế lực có tư tưởng chống đối.  
D. tăng cường quyền lực cho chính quyền trung ương để hạn chế cát cứ địa phương.

## **PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI**

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1802, triều Nguyễn được thành lập, cai quản đất nước rộng lớn, kéo dài từ Bắc vào Nam. Trong bối cảnh đất nước vừa trải qua thời gian chiến tranh và bị chia cắt lâu dài, đặt ra rất nhiều khó khăn. Dưới thời vua Gia Long, nhà Nguyễn tập trung chủ yếu vào công cuộc ổn định tình hình đất nước và ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 69)

- A. Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập, đây là triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam.  
B. Dưới thời hoàng đế Gia Long, Việt Nam có lãnh thổ rộng lớn nhất từ trước đến nay.

C. Nhà Nguyễn được thành lập trong bối cảnh các mâu thuẫn xã hội đang hết sức gay gắt.

D. Để ổn định đất nước, vua Gia Long đã tiến hành một cuộc cải cách lớn trên các mặt.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Dưới thời vua Minh Mạng, quân đội được tổ chức theo phương châm “tinh nhuệ”, học hỏi mô hình tổ chức và phiên chế của phương Tây. Ông đặc biệt coi trọng phát triển lực lượng thủy quân và tăng cường các hoạt động xây dựng pháo đài, tuần soát trên biển.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 74)

A. Tư liệu nói về biện pháp xây dựng và tổ chức quân đội của Minh Mạng trong cải cách.

B. Vua Minh mạng tổ chức quân đội theo kiểu phương Tây để tăng cường sức chiến đấu.

C. Quân đội nhà Nguyễn đã có vai trò quan trọng trong việc xác lập và thực thi chủ quyền.

D. Việc xây dựng quân đội hùng mạnh đã khiến Việt Nam thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Minh Mạng là cuộc cải cách khá toàn diện trên các lĩnh vực hành chính, kinh tế, văn hoá, giáo dục. Kết quả của cuộc cải cách đã tăng cường tính thống nhất của quốc gia. Chế độ trung ương tập quyền chuyên chế và quyền lực của hoàng đế được củng cố, thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.

Những thành tựu của cuộc cải cách hành chính dưới thời Minh Mạng đã tác động tích cực nhất định đến sự ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng an ninh của Đại Nam. Một số giá trị trong xây dựng mô hình, cơ chế vận hành bộ máy chính quyền ở địa phương và về xây dựng đội ngũ quan lại thanh liêm, mẫn cán của vua Minh Mạng để lại bài học kinh nghiệm hữu ích cho cải cách hành chính Việt Nam hiện nay.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 75)

a. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng khá toàn diện, đồng bộ và đạt nhiều thành tựu.

b. Cơ cấu hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay chịu ảnh hưởng từ cải cách này.

c. Cuộc cải cách đã đưa Đại Nam phát triển mạnh mẽ, thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.

d. Nhờ cuộc cải cách của vua Minh Mạng, chế độ phong kiến Việt Nam đạt đỉnh cao.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của vua Minh Mạng đã mang lại nhiều kết quả như: xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ (vua nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và thống lĩnh quân đội); thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước; tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ; phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan. Cuộc cải cách có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính, làm cho hoạt động của bộ máy nhà nước có hiệu quả hơn trước. Cuộc cải cách Minh Mạng cũng để lại bài học kinh nghiệm đối với tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong đó, cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh thời Minh Mạng là một trong những di sản lớn nhất của cuộc cải cách, còn có giá trị đến ngày nay.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 72)

a. Cuộc cải cách Minh Mạng đã đưa chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến đỉnh cao.

b. Sau cải cách, chế độ quân chủ trung ương tập quyền lần đầu tiên được hoàn chỉnh.

c. Cuộc cải cách tạo ra điều kiện thuận lợi để thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

d. Cơ cấu hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay chịu ảnh hưởng từ cải cách này.

d. Đây là cuộc cải cách thành công nhất trong lịch sử Việt Nam.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong những năm 1831 – 1832, Minh Mạng lần lượt xoá bỏ Bắc Thành và Gia Định Thành cùng chức Tổng trấn, đồng thời đổi các dinh – trấn trên cả nước thành 30 tỉnh, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của triều đình trung ương. Sự ra đời của đơn vị hành chính cấp tỉnh gắn liền với hệ thống cơ quan, chức quan phụ trách cùng cơ chế làm việc mới.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 74)

a. Xóa bỏ Bắc Thành, Gia Định thành nhằm tăng cường quyền lực cho nhà vua.

b. Đơn vị hành chính cấp tỉnh có từ thời Lê Sơ, đến thời Nguyễn được củng cố.

c. Cải cách Minh Mạng có ảnh hưởng đến cơ cấu hành chính Việt Nam hiện nay.

d. Sau cuộc cải cách hành chính, chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến đỉnh cao.

## Bài 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

**Câu 1.** Biển Đông là vùng biển thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Châu Á                      B. Châu Âu                      C. Châu Phi                      D. Châu Mỹ

**Câu 2.** Quốc gia nào sau đây nằm tiếp giáp biển Đông ở ba mặt Đông, Nam và Tây Nam?

- A. Việt Nam.                      B. Campuchia.                      C. Thái Lan.                      D. Philippin

**Câu 3.** Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông thuộc chủ quyền quốc gia nào sau đây?

- A. Việt Nam.                      B. Thái Lan.                      C. Singapore.                      D. Trung Quốc.

**Câu 4.** Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. tập trung nhiều tuyến đường biển chiến lược.  
B. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.  
C. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.  
D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về vị trí chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam?

- A. Là tuyến phòng thủ từ sớm, từ xa để Việt Nam bảo vệ tổ quốc.  
B. Rút ngắn thời gian vận chuyển, giao lưu kinh tế được dễ dàng.  
C. Là tuyến vận tải duy nhất để Việt Nam phát triển ngoại thương.  
D. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với khu vực và thế giới.

**Câu 5.** Đối với Việt Nam, Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây ?

- A. Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú để phát triển đất nước.  
B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.  
C. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.  
D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

**Câu 6.** Đối với Việt Nam, hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có vai trò như thế nào?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.  
B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần-kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế.  
C. Đảm bảo tốt nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.  
D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

**Câu 7.** Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Là tuyến đường vận tải chiến lược duy nhất từ Bắc đến Nam.  
B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.  
C. Có ý nghĩa về chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh tế biển.  
D. Nền tảng lớn nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong khu vực Biển Đông?

- A. Giúp kiểm soát và đảm bảo an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không.  
B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần - kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế tại các đảo, quần đảo.  
C. Phát triển bền vững một số ngành kinh tế biển như du lịch, nuôi trồng, chế biến thủy sản.  
D. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các di sản văn hóa thiên nhiên.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam?

- A. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.  
B. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.  
C. Vùng biển rộng lớn với nhiều hòn đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.  
D. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam

**Câu 10.** Nhận xét nào sau đây **không đúng** về vai trò của các đảo, quần đảo trên biển Đông đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam?

- A. Tạo thành thế phòng thủ liên hoàn, vững chắc, bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa.  
B. Là cơ sở quan trọng để phát triển kinh tế biển, củng cố quốc phòng, an ninh.

- C. Không gian để Việt Nam thực hiện chiến lược độc chiếm toàn bộ biển Đông.  
D. Tuyến đường vận tải chiến lược để giao thương với các nước khu vực và thế giới.

## PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI.

**Câu 1.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á. 5 trong số 10 tuyến đường vận tải biển trọng yếu của thế giới liên quan đến Biển Đông. Giao thông đường biển trong khu vực này nhện nhíp vào hàng thứ hai thế giới, với nhiều tàu có trọng tải trên 5000 tấn, trong số đó phần lớn là tàu chở dầu. Khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như; eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa, Ka-li-man-tan và đặc biệt là Ma-lắc-ca.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 75)

- A. Biển Đông là một bộ phận của Thái Bình Dương và nằm ở rìa Tây của đại dương này.  
B. Biển Đông là con đường hàng hải huyết mạch của thế giới vì có vị trí địa lý thuận lợi.  
C. Tất cả các nước ở châu Á đều có lợi ích liên quan trực tiếp đến khu vực biển Đông.  
D. Vì có vị trí chiến lược, biển Đông từ sớm đã trở thành nơi tranh chấp của các nước.

**Câu 2.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Về quân sự: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược, có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại Biển Đông, cũng như có vị thế phòng thủ chắc chắn thông qua sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, tuyến đảo ở hai quần đảo.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 81)

- a. Tư liệu nói về vị trí chiến lược của Hoàng Sa và Trường Sa về quân sự.  
b. Việt Nam đã sử dụng hai quần đảo để kiểm soát và khống chế biển Đông.  
c. Hoàng Sa và Trường Sa là tuyến phòng thủ từ sớm từ xa của Việt Nam.  
d. Từ sau năm 1975, Việt Nam hoàn toàn kiểm soát và làm chủ hai quần đảo.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngày 11-8-2011, ngọn đuốc trên giàn khoan DH-02 đã bùng cháy tại mỏ Đại Hùng. DH-02 là công trình dầu khí lớn đầu tiên do chính các kỹ sư, công nhân Việt Nam chế tạo và lắp đặt, chuyên khai thác ở vùng nước sâu xa bờ, có kích thước, trọng lượng lớn nhất Việt Nam tính đến thời điểm đó. Sự kiện này đánh dấu bước trưởng thành, là biểu hiện cho ý chí, nội lực và khả năng làm chủ công nghệ thăm dò, khai thác dầu khí vùng nước sâu của Việt Nam trên Biển Đông.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 77)

- A. Tư liệu khẳng định quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên biển.  
B. Tài nguyên phong phú là một trong những nguyên nhân tranh chấp trên biển Đông.  
C. Công nghệ thăm dò, khai thác dầu khí của Việt Nam đã vượt trội hơn Trung Quốc.  
D. Giàn khoan DH- 02, thể hiện tài năng và trí tuệ của người Việt trong thời đại mới.

**Câu 4.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“- Về vị trí: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm án ngữ đường hàng hải quốc tế nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương, giữa châu Âu, châu Phi, Trung Cận Đông với vùng Đông Á.

- Về kinh tế: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có nhiều loại hải sản quý như: hải sâm, rùa biển, cá ngừ, tôm hùm, rong biển và các loại ốc có giá trị dinh dưỡng cao, quần đảo Trường Sa có thể mạnh về dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản trong khu vực.

- Về quân sự: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược, có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại Biển Đông cũng như có vị thế phòng thủ chắc chắn thông qua sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, tuyến đảo ở hai quần đảo.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 81)

- a. Hoàng Sa và Trường Sa có vị trí chiến lược quan trọng ở biển Đông và châu Á.  
b. Thế mạnh của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là tài nguyên dầu mỏ và than đá.  
c. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tạo ra thế trận phòng thủ sớm, từ xa cho Việt Nam.  
d. Tất cả các nước ở khu vực đều có thể tận dụng thế mạnh của Hoàng Sa và Trường Sa.

**Câu 5.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 82)

- a. Biển gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam từ xưa đến nay.
- b. Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế để chia sẻ chủ quyền trên biển Đông.
- c. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của ngư dân và hải quân.
- d. Xây dựng nền quốc phòng hùng mạnh là một nhân tố đảm bảo chủ quyền biển đảo.

## **PHẦN TỰ LUẬN**

### **BÀI 7: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

#### **1. Nguyên nhân thắng lợi.**

\* Nguyên nhân chủ quan:

- Trước hết, các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.
- Thứ hai, nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn. Tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia kháng chiến, tạo thành khối đoàn kết toàn dân vững chắc.
- Thứ ba, kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo cũng là nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến.
- Thứ tư, những người lãnh đạo, chỉ huy các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đều là các vị tướng lĩnh tài năng, mưu lược như: Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Huệ,...

\* Nguyên nhân khách quan:

- Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang là chiến tranh phi nghĩa. Trong quá trình xâm lược, quân giặc còn gặp một số khó khăn như đường hành quân xa, thiếu lương thực, không quen địa hình và điều kiện tự nhiên của Đại Việt,...

### **BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)**

#### **1. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)**

##### **a. Bối cảnh lịch sử**

- Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh năm 1407, nhiều cuộc đấu tranh tiếp tục nổ ra trên cả nước nhưng đều thất bại.
- Nhà Minh thi hành chính sách cai trị hà khắc cùng chế độ thuế khoá nặng nề..
- Trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, Lê Lợi đã triệu tập nghĩa sĩ, các hào kiệt, xây dựng lực lượng và chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa.

##### **b. Diễn biến chính**

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trải qua 3 giai đoạn chính:
  - + Giai đoạn 1 (1418 – 1423): Năm 1418, Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ bốn phương dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn (Thanh Hoá).
  - + Giai đoạn 2 (1424 – 1426): làm chủ toàn bộ vùng Thuận Hoá rồi tấn công ra Bắc.
  - + Giai đoạn 3 (1426 – 1427): Cuối năm 1426, nghĩa quân giành thắng lợi trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang (10/1427). Vương Thông ở thành Đông Quan chấp nhận nghị hoà, sau đó rút quân về nước.

##### **c. Ý nghĩa lịch sử**

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn đưa đến sự thành lập của vương triều Lê sơ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới cùng nền độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt.

## 2 Một số bài học lịch sử

- Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam đã để lại những bài học quan trọng.

- Bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch Việt Nam cũng có giá trị đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến đổi.

### **BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)**

#### **3. Kết quả và ý nghĩa**

- **Kết quả:** Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông đã đưa tới bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ. Đời sống xã hội có những biến đổi lớn.

- Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

#### **-Ý nghĩa:**

+ Làm cho bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, tập trung cao độ, đề cao quyền hành toàn diện của vua.

+ Các chức danh được quy định rõ ràng, hệ thống giám sát được tăng cường, hạn chế sự tập trung quyền lực dẫn đến chuyên quyền và nguy cơ cát cứ.

+ Các chính sách về ruộng đất góp phần khẳng định quyền sở hữu tối cao của Nhà nước tạo nền tảng cho kinh tế nông nghiệp phát triển.

+ Chính sách giáo dục, khoa cử đã đào tạo được hệ thống quan lại trí thức có tài, đủ năng lực quản lí đất nước.

+ Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia, tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

### **BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG**

#### **1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông**

- Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương, châu Âu – châu Á, Trung Đông – Đông Á.

- Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương về quốc phòng – an ninh, giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác

- Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với trữ lượng lớn.